

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	419.939.858.159	235.268.613.495	2.573.035.618	305.202.100	-	658.086.709.372
Số cuối kỳ	412,063,890,011	225,171,671,948	1,904,970,894	137,799,346	-	639,278,332,199
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	404.750.000	60.712.497	344.037.503
Mua trong kỳ	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	40,474,998	-
Số cuối kỳ	404.750.000	101,187,495	303,562,505

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Tăng khác ⁽ⁱ⁾	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	30.605.611.681			31,765,141,549
- Công trình nhà máy thủy điện Đak Lô	30.537.404.553			31,696,934,421
• Chi phí quản lý dự án chờ phê duyệt bổ sung ⁽ⁱⁱ⁾	20.596.352.909			20.596.352.909
• Công trình hồ B	9.609.385.116			9.609.385.116
• Chi phí khác	331.666.528	1,159,529,868		1,491,196,396
- Công trình khác	68.207.128			68.207.128
Sửa chữa lớn tài sản cố định	13.977.291.121	1,130,530,000		15,107,821,121
Cộng	44.582.902.802	2,290,059,868		46,872,962,670

13. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.900.000.000	-	5.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	3.450.000.000	-	3.450.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thủy điện ĐăkPsi	-	-	1.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	950.000.000	-	950.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Sor 3	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	4.900.000.000	-	5.900.000.000	-

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lãi nội bộ chưa thực hiện trong Tập đoàn. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu kỳ	549.768.786	574.356.218
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	-	(12.293.716)
Số cuối kỳ	549.768.786	562.062.502

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn**15a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	23,036,498,133	23.691.640.936
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	-	-
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5	-	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	3.779.933.763	3.779.933.763
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 - Xi nghiệp Sông Đà 2.08	3.761.016.957	3.761.016.957
Chi nhánh Sông Đà 6.02 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	32.898.197	32.898.197
Chi nhánh Sông Đà 6.05 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	15.460.424.055	15.460.424.055
Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	655.142.803
Xí nghiệp Sông Đà 10.5 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.225.161	2.225.161
Phải trả các nhà cung cấp khác	168,229,958,625	180.157.817.102
Các khoản phải trả người bán khác	168,229,958,625	180.157.817.102
Cộng	191,266,456,758	203.849.458.038

15b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các bên liên	19.256.564.370	19.911.707.173

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>			
<i>quan</i>						
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 - Xi nghiệp Sông Đà 2.08	3.761.016.957		3.761.016.957			
Chi nhánh Sông Đà 6.02 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	32.898.197		32.898.197			
Chi nhánh Sông Đà 6.05 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	15.460.424.055		15.460.424.055			
Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-		655.142.803			
Xí nghiệp Sông Đà 10.5 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.225.161		2.225.161			
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>151.114.615.277</i>		<i>151.114.615.277</i>			
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	151.114.615.277		151.114.615.277			
Cộng	170,371,179,647		171.026.322.450			
16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn						
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>			
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>85.000.000</i>		<i>85.000.000</i>			
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	-		-			
Xí nghiệp Sông Đà 2.08 - Công ty Cổ phần Sông Đà 2	85.000.000		85.000.000			
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>1,541,122,160</i>		<i>1.141.122.160</i>			
Công ty Cổ phần Thủy điện Minh Tân	377.861.000		377.861.000			
Các khách hàng khác	1,163,261,160		763.261.160			
Cộng	1,626,122,160		1.226.122.160			
17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước						
	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.778.458.911	626.089.623	9,465,256,865	7,253,529,370	3,990,186,406	626.089.623
Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.900	-	-	64,000,000	-	63,900,100
Thuế thu nhập cá nhân	1.806.268.024	-	178,628,795	163,411,285	1,821,485,534	-
Thuế tài nguyên	2.670.260.991	-	3,822,416,336	5,025,234,921	1,467,442,406	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	387.000	387.000	-	-
Thuế nhà thầu	-	-	-	-	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	509.848.848	13.853.691	589,814,399	589,814,399	509.848.848	19.458.687
Cộng	6.764.936.674	639.943.314	14,056,890,395	13,096,763,975	7,788,963,194	703,843,414

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn được hưởng ưu đãi thuế tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 – Đak Lô như sau: Theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới và được miễn thuế trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2018 là năm thứ 3 Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 – Đak Lô hưởng ưu đãi về thuế suất và là năm thứ 3 được miễn thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước nguồn với giá tính thuế là giá bán điện thương phẩm bình quân là 1.720,65 VND/kWh, thuế suất thuế tài nguyên là 5%.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất đang sử dụng tại thôn Măng Đen, xã Đăk Long, Huyện Kon Plong, diện tích đất là 322,5 m² với mức 1.200 VND/ m². Đối với diện tích đất 513.906,15 m² đang được miễn tiền thuê đất.

Phí dịch vụ môi trường rừng

Tập đoàn phải nộp phí dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 36 VND/kwh.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	102,185,566,297	87.082.892.628
Chi phí lãi vay phải trả ⁽ⁱ⁾	85,545,528,512	67.783.857.756
Chi phí trích trước phải trả nhà thầu phụ về chi phí xây dựng	14,701,591,482	17.360.588.569
Các khoản chi phí trích trước khác	1.938.446.303	1.938.446.303
Cộng	<u>102,185,566,297</u>	<u>87.082.892.628</u>

- (i) Lãi vay được xác định theo lãi suất tiền vay trong hạn, chưa dự phòng lãi vay quá hạn phải trả. Công ty đang đàm phán với các Ngân hàng thương mại để được giảm lãi vay trong hạn và không

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tính lãi vay quá hạn nên không dự phòng lãi vay quá hạn phải trả đối với khoản vay quá hạn thanh toán phát sinh tại Công ty mẹ.

20. Phải trả ngắn hạn khác**20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	2.800.000.000
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	-	2.800.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	36.641.264.263	38.154.228.031
Kinh phí công đoàn	1,061,756,204	1.066.054.179
Bảo hiểm xã hội	3,122,226,442	2.378.203.120
Bảo hiểm y tế	2,267,480,299	2.134.186.058
Bảo hiểm thất nghiệp	1,277,277,848	1.217.923.181
Quỹ bảo vệ môi trường rừng	-	1.496.114.460
Cổ tức phải trả	8.131.876.402	8.131.876.402
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	4,402,760,111	5.054.200.807
Tạm nhập vật tư, phụ tùng	5,796,917,379	5.196.251.348
Phải trả các đội về lương	9,879,093,428	7.772.743.179
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3,360,340,509	3.706.675.297
Cộng	<u>39,299,728,621</u>	<u>40.954.228.031</u>

20b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác</i>	20.837.185.950	22.928.779.333
Cổ tức phải trả	8.131.876.402	8.131.876.402
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	4.402.760.111	5.054.200.807
Tạm nhập vật tư, phụ tùng	1.938.253.870	1.938.253.870
Phải trả các đội về lương	9.879.093.428	7.772.743.179
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	31.705.075	31.705.075
Cộng	<u>24.383.688.886</u>	<u>22.928.779.333</u>

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**21a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	530.207.019.636	25.000.000.000	540.207.019.636	25.000.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	492.028.942.908	5.000.000.000	502.028.942.908	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽¹⁾	487.028.942.908	-	497.028.942.908	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum ⁽¹⁾	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Vay ngắn hạn tổ chức khác	2.600.000.000	-	2.600.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Linh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.600.000.000	-	2.600.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	35.578.076.728	20.000.000.000	35.578.076.728	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ^(iv)	15.578.076.728	-	15.578.076.728	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (xem thuyết minh số V.21b)	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	530.207.019.636	25.000.000.000	540.207.019.636	25.000.000.000

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/369556/HĐTĐHM năm 2017 thay thế hợp đồng số 05/MHĐCTD ngày 11/5/2016. Hạn mức tín dụng là 600.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, trong đó hạn mức vay vốn ngắn hạn là 500.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo tiền vay là: thế chấp, cầm cố tài sản của bên vay; bảo lãnh của bên thứ ba; toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND hoặc ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác; tín chấp.
- (ii) Số cuối năm là khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cho vay hạn mức số 253/2018-HĐCVHM/NHCT510-SONGDA3DAKLO ngày 17/09/2018 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, phân phối điện với lãi suất 7,5%, thời hạn vay 1 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Ô tô con Toyota Fortuner 7 chỗ, biển số 82A-015.69, Ô tô khách Toyota Hiace 16 chỗ, biển số 82B-004.02.
- (iii) Khoản vay Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Linh theo hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV-CT-SĐ3 ngày 16/3/2017. Số tiền vay là 2.600.000.000 VND. Mục đích vay là để giải quyết vấn đề tiền lương, tiền ăn cho công nhân đang thi công trên các công trường do Công ty đang gặp khó khăn về tiền vốn lưu động. Thời hạn cho vay theo thỏa thuận 02 bên, Công ty cam kết trả lại khoản vay cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Linh trong thời gian sớm nhất có thể sau khi giải quyết được vấn đề khó khăn về vốn lưu động. Lãi suất cho vay là 0%.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng số 01/2013/369556/HĐTĐ ngày 04/12/2013. Số tiền vay là 27.440.000.000 VND. Mục đích vay là đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị xe máy năm 2011. Thời hạn vay là 48 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là 120% lãi suất trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai phù hợp với quy định của BIDV, việc thế chấp, cầm cố hay hình thức bảo đảm khác được lập thành hợp đồng riêng. Số gốc vay còn phải trả tại 31/12/2018 là 4.839.076.728 VND.
 - Hợp đồng số 01/2014/369556/HĐTĐ ngày 27/6/2014. Số tiền vay là 39.500.000.000 VND. Mục đích vay là đầu tư dự án nâng cao năng lực xe máy thiết bị năm 2014. Thời gian vay là 48 tháng, kể từ ngày 27/6/2014 đến ngày 27/6/2018. Thời hạn rút vốn là 365 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là 120% lãi suất trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp tài sản hình thành từ vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vay không phân biệt nguồn vốn đầu tư dự án “Đầu tư dự án nâng cao năng lực xe máy thiết bị năm 2014”. Số gốc vay còn phải trả tại 31/12/2018 là 10.739.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn tổ chức khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	502.028.942.908	2.600.000.000	35.578.076.728	540.207.019.636
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	-	-	-
Phân loại lại theo kỳ hạn nợ	-	-	-	-
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	-	-
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(10.000.000.000)	-	-	(10.000.000.000)
Số cuối kỳ	492.028.942.908	2.600.000.000	35.578.076.728	530.207.019.636

21b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay phải trả tổ chức khác</i>	380.000.718.803	390.000.718.803
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum ^(v)	380.000.718.803	390.000.718.803
Cộng	380.000.718.803	390.000.718.803

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (v) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum để thực hiện đầu tư dự án Thủy điện Đak Lô với lãi suất 9,94%, thời hạn vay 16 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 5 năm. Số tiền vay được hoàn trả hàng 6 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 12 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị công trình Thủy điện Đak Lô.

21c. Vay quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Các đơn vị và cá nhân khác</i>	590,752,548,148	579.391.749.814
Vay ngân hàng	588,152,548,148	576.791.749.814
Gốc	502.607.019.636	512.607.019.636
Lãi	85,545,528,512	64.184.730.178
Vay tổ chức khác	2.600.000.000	2.600.000.000
Gốc	2.600.000.000	2.600.000.000
Lãi	-	-
Cộng	590,752,548,148	579.391.749.814

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	3.533.498.458	1.599.113.041
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Chi quỹ	(707.800.000)	(22.500.000)
Số cuối kỳ	2,825,698,458	1.576.613.041

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	81.596.715.600	81.596.715.600
Các cổ đông khác	78.396.844.400	78.396.844.400
Cộng	<u>159.993.560.000</u>	<u>159.993.560.000</u>

23b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.999.356	15.999.356
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.999.356	15.999.356
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.999.356	15.999.356

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu hợp đồng xây dựng và phục vụ xây lắp	19,523,193,839	17.869.069.421
Doanh thu điện thương phẩm	72,400,339,507	81.528.120.906
Doanh thu khác		4.950.290.138
Cộng	<u>91,923,533,346</u>	<u>104.347.480.465</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	1.177.348.238
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 1		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	11.936.878.413	-
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội)		
Doanh thu cung cấp vật tư, vữa bê tông	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu cho thuê xe, máy móc thiết bị	84.700.000	267.354.839
Chi nhánh Sông Đà 6.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6		
Doanh thu cung cấp vật tư, vữa bê tông	-	477.351.054
Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Doanh thu cung cấp vật tư, vữa bê tông	-	-
Chi nhánh Sông Đà 9.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Doanh thu hợp đồng xây dựng và phục vụ xây lắp	-	-
Doanh thu cho thuê xe, máy móc thiết bị	-	628.280.572
Chi nhánh Sông Đà 9.08 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Doanh thu cung cấp vật tư, vữa bê tông	-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn hợp đồng xây dựng và phục vụ xây lắp	18,982,020,430	21.952.378.740
Giá vốn điện thương phẩm	24,194,913,773	16.256.521.746
Giá vốn khác	-	2.535.632.908
Cộng	43,176,934,203	40.744.533.394
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	62,814,344	159.710.690
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-
Cộng	62,814,344	159.710.690
5. Chi phí tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	42,183,667,716	39.174.364.260
Chi phí khác	192,876,712	-
Cộng	42,376,544,428	39.174.364.260
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5,329,768,601	6.015.001.078
Chi phí vật liệu, bao bì	782,039,799	623.831.858
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	251,588,149	626.626.620

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định	696,315,932	786.846.247
Thuế, phí và lệ phí	74,050,517	63.958.651
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,462,865,110	1.071.061.943
Các chi phí khác	1,722,470,286	1.289.872.114
Cộng	10,319,098,394	10.477.198.511
7. Thu nhập khác	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Xử lý công nợ	-	-
Thu nhập từ bán phế liệu	-	-
Thu nhập khác	-	100.000.000
Cộng	-	100.000.000
8. Chi phí khác	Kỳ này	Kỳ trước
Các khoản bị phạt, bị truy thu	-	782.990.924
Chi phí khác	378,448,863	144.000.000
Cộng	378,448,863	926.990.924
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm.		
10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
10a. Lãi trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(4,492,451,982)	12.852.987.997
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4,492,451,982)	12.852.987.997
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	15.999.356	15.999.356
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(281)	803
10b. Thông tin khác		
Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.		

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà – CTCP (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty)	Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ
Ban điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Văn phòng Đại diện Tổng Công ty - Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 1	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Bản Vẽ	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Hủa Na	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 3	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành gói thầu số 4	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ	
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty	
<i>Giao dịch với các bên liên quan khác</i>		
Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:		
	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP		
Mua sắm tài sản cố định	-	-
Chi phí tiền điện, tiền thuê nhà và phí bảo lãnh	1.451.064	109.901.082
Bù trừ công nợ	-	-
Ban điều hành dự án thủy điện Xê ca mản 1		
Chi phí trích nộp ban điều hành, phí bảo lãnh hợp đồng	-	26.458.053
Chi phí thi công công trình	537.159.529	-
Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	51.247.810	-
Bù trừ công nợ	-	1.429.624.499
Thu tiền thanh toán khối lượng thi công	-	-
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5		
Chuyển tiền vốn lưu động	-	-
Chi phí thi công công trình	-	335.249.841
Giá trị trích nộp, tiền phụ phí công trình	-	-
Bù trừ công nợ	1.483.719.449	1.100.000.000
Thu tiền thanh toán khối lượng thi công	23.400.000.000	7.790.000.000
Chi lương và các chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Phải thu phụ phí công trình	-	-
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La		
Bù trừ công nợ	-	-
Thu tiền thanh toán khối lượng thi công	250.000.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà		
Chi phí thí nghiệm công trình phải trả	-	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 - Xi nghiệp Sông Đà 2.08		
Chi phí mua vật tư	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		
Chi phí mua vật tư, ca máy, sửa chữa thiết bị	-	6.494.800
Bù trừ công nợ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội)		
Bù trừ công nợ	591.068.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6		
Chi phí mua vật tư, ca máy	-	586.093.630
Chi nhánh Sông Đà 6.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6		
Mua vật tư	-	586.093.630
Bù trừ công nợ	-	246.027.505
Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Chi phí mua vật tư	-	-
Thu tiền cung cấp vật tư	-	80.000.000
Bù trừ công nợ	655.142.803	-
Chi nhánh Sông Đà 9.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Thu tiền cung cấp vật tư	-	789.108.629
Bù trừ công nợ	-	202.000.000
Chi phí bảo hộ lao động	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến		
Phải trả tiền tạm ứng thi công	-	10.195.138.730
Thanh toán tiền	-	2.000.000.000
Bù trừ công nợ	-	-
Công ty mượn tiền	-	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.5a, V.15a, V.16 và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: hoạt động xây lắp.
- Lĩnh vực 2: sản xuất điện thương phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Phần lớn hoạt động của Tập đoàn diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Gia Lai, ngày 20 tháng 7 năm 2019



Phạm Hồng Trung
Người lập biểu



Nguyễn Văn Hình
Kế toán trưởng



Vũ Dũng
Tổng Giám đốc